SAO Y
Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 25.02.2022 16:51:51 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 500 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 - Xuân Lập tại các phường: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre và Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cư Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024;

Trên cơ sở Văn bản số 389/STC-HĐTĐGĐ ngày 21/01/2022 của Hội đồng Thẩm định giá đất tỉnh về việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi

Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 - Xuân Lập tại các phường: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre và Xuân Bình, thành phố Long Khánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 95/TTr-STNMT ngày 15 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 - Xuân Lập tại các phường: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre và Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

- Diện tích đất định giá: 19.775,0m^2.

- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm.

- Ranh giới khu đất: Khu đất định giá được xác định theo Trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính số 34:2021: TLBĐ - Tờ 01 đến tờ 09 thuộc Dự án Nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập tại phường Xuân Lập, phường Bàu Sen, phường Suối Tre và phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

Giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 - Xuân Lập tại các phường: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre và Xuân Bình, thành phố Long Khánh, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m^2)
1	Đất ở tại đô thị đường Hồng Thập Tự (Đoạn từ đường Xuân Bình - Xuân Lập đến giáp đường 21 tháng 4)	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	12.119.000
2	Đất ở tại đô thị đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn từ đường Võ Duy Dương đến đường Võ Văn Tần)	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	6.558.000
3	Đất ở tại đô thị đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn từ đường Võ Văn Tần đến đường Bàu Sen đi Xuân Lập)	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	5.241.000
4	Đất ở tại đô thị đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn từ đường Bàu Sen đi Xuân Lập đến giáp phường Xuân Lập)	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	5.241.000

STT	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m^2)
5	Đất ở tại đô thị đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn qua phường Xuân Lập)	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	6.734.000
6	Đất ở tại đô thị tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường 21 tháng 4 và đường Hồng Thập Tự	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	20.889.000
7	Đất ở tại đô thị tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường Hồng Thập Tự và đường Võ Duy Dương	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	13.466.000
8	Đất ở tại đô thị tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường Xuân Bình - Xuân Lập và đường Bàu Sen đi Xuân Lập	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	5.823.000
9	Đất ở tại đô thị tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường Xuân Bình - Xuân Lập và đường Số 1	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	ODT	7.483.000
10	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường Hồng Thập Tự (Đoạn từ đường Xuân Bình-Xuân Lập đến giáp đường 21 tháng 4) tại phường Xuân Bình	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.725.000
11	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn từ đường Võ Duy Dương đến đường Võ Văn Tần) tại phường Bàu Sen và phường Suối Tre	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.584.000
12	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn từ đường Võ Văn Tần đến đường Bàu Sen đi Xuân Lập) tại phường Bàu Sen và phường Suối Tre	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.073.000
13	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn từ đường Bàu Sen đi Xuân Lập đến giáp phường Xuân Lập) tại phường Bàu Sen và Suối Tre	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.073.000
14	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm đường Xuân Bình - Xuân Lập (Đoạn qua phường Xuân Lập) tại phường Xuân Lập	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.611.000

STT	Tên tài sản	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m^2)
15	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường 21 tháng 4 và đường Hồng Thập Tự tại phường Xuân Bình	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	3.330.000
16	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường Xuân Bình - Xuân Lập và đường Võ Duy Dương tại phường Suối Tre	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.871.000
17	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường Xuân Bình - Xuân Lập và đường Bàu Sen đi Xuân Lập tại phường Bàu Sen	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.304.000
18	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, cây hàng năm tiếp giáp 2 mặt tiền đường là đường Xuân Bình - Xuân Lập và đường Số 1 tại phường Xuân Lập	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới tới hết mét thứ 50	CLN, BHK, HNK	2.887.000

3. Về việc xác định vị trí thửa đất để tính tiền bồi thường: Thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Ủy ban nhân dân thành phố Long Khánh chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Long Khánh tính toán lập phương án bồi thường về đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Long Khánh, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Long Khánh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường Xuân Lập, Suối Tre, Bàu Sen và Xuân Bình, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức